

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-PT

Ngày: 13/01/2025

“V/v tranh chấp về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và bồi thường thiệt hại về tài sản”

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần

Bà Trần Thị Mỹ Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và bồi thường thiệt hại về tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 222/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn E, xã Q (N là xã M), huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Văn H, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N, nơi làm việc: Công ty L2, chi nhánh M1; địa chỉ: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn E, xã Q (nay là xã M), huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1987 - Luật sư của Văn phòng L3. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn E, xã Q (nay là xã M), huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T2: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1997; địa chỉ: Số H, đường N, khối A, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

4. *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Lê Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Gia đình bà C và gia đình ông Lê Văn T là hàng xóm, bà C sử dụng thửa đất số 16-92, tờ bản đồ số 02, diện tích 593 m² (Bản đồ 299) tại thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/6/1997. Nay là thửa đất số 118, tờ bản đồ số 12 diện tích 583 m² (Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2019). Ông T sử dụng thửa đất số 296, tờ bản đồ số 2, diện tích 570m² (Bản đồ 299) tại thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/6/1997, nay là thửa đất số 130, tờ bản đồ số 12, diện tích 644,9 m² (Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2019).

Năm 2018, bà C xây dựng nhà ở và tường bao đến khoảng tháng 8/2019 thì hoàn thiện. Ngày 16/8/2019 ông T cho rằng gia đình bà C xây lấn sang đất ông T nên đã có hành vi đập phá bờ tường nhiều lần (Có biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã Q). Sau khi kiểm tra lại hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kết quả xác minh thực tế của Ủy ban nhân dân xã Q, diện tích đất của bà C giảm 10m² trong khi đó diện tích đất ông T thừa 66,9 m². Đến nay tường bao của gia đình bà C vẫn ngổn ngang, chưa thể sử dụng ổn định vì cứ xây lên thì bị ông Tân P, thiệt hại từ việc phá tường của ông T là 5.000.000 đồng, diện tích khoảng 0,3 m² nằm ở phía Nam thửa đất của bà C, giáp với nhà chính của ông T. Tại phiên hòa giải, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của gia đình bà Lê Thị C đối với thửa đất số 16-92, tờ bản đồ số 02, diện tích 593m² (Bản đồ 299) tại xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là thửa đất số 118, tờ bản đồ 12, diện tích 583 m² (Bản đồ địa chính số); buộc ông Lê Văn T bồi thường thiệt hại do hành vi phá hoại bờ tường bao của bà C là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 296, tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299) tại thôn E, xã Q,

huyện Q, tỉnh Nghệ An hiện nay ông T đang sử dụng là do bố mẹ ông để lại cho ông. Khi để lại không có giấy tờ, ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên một mình ông, thời gian cấp bà ông không nhớ. Từ khi bố mẹ ông tặng cho ông đến nay, thửa đất của ông giáp hàng xóm ở phía Đông, phía Tây, phía Nam sử dụng ổn định, không tranh chấp. Còn mốc phía Bắc giáp đất bà C trước đây có cây xương rồng cao, một đoạn bờ thuốc dầu, bờ dừa do ông trồng. Đến năm 2005 khi hai gia đình xảy ra tranh chấp, thời điểm đó là trước khi bà C làm nhà, chính quyền địa phương có hai chủ đất chứng kiến có làm dấu ranh giới được xác định. Sau khi bà C làm nhà có xây bờ tường, cách cây xương rồng khoảng 0,6m. Khi ông xây công trình phụ ngay sát bờ thuốc dầu. Khi xây móng nhà thì ông đi làm ăn xa ở nhà bờ tường dừa bị chết và ông chuyển sang ý tưởng trồng cỏ nhưng bà C nói trồng cỏ hôm sau cho bò xuống ăn, ông có nói lại bà C, nên bà C không có ý kiến gì nữa. Từ đó đến khi bà C làm nhà, giữa hai thửa đất không có bờ tường ngăn cách. Năm 2018 bà C có xây bờ tường lấn sang phần đất của ông; điểm từ công trình vệ sinh (2) kéo dài về phía Đông lấn 60 cm; từ điểm đầu của công trình phụ ở phía Tây (1) đến hết điểm (2) (phần này trước đây ông có trồng bờ thuốc dầu phía sau với tường công trình vệ sinh) bà C lấn sang bao nhiêu ông không rõ. Bà C đã xây sang bờ thuốc dầu. Ranh giới giữa hai thửa đất từ trước không phải là đường thẳng, không phải là đường chào cày. Do bà C xây tường trên đất của ông nên ông đập tường để chính quyền địa phương giải quyết. Ông đập nhiều lần, ông không nhớ cụ thể thời gian, mỗi lần ông đập một ít. Tường bao bà C làm nhà ông không mở được cửa sổ. Tại phiên tòa ông T thừa nhận ông đập tường bao nhà bà C lần 1 vào sau rằm tháng 7/2019 âm lịch có kích thước: cao 1 m, rộng 2 viên sò mỗi viên 25cm, lần 2 vào tháng 3/2022 còn nguyên hiện trạng như hiện nay. Bà C yêu cầu buộc ông chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của gia đình bà Lê Thị C đối với thửa đất số 16-92, tờ bản đồ số 02, diện tích 593 m² (Bản đồ 299) tại xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là thửa đất số 118, tờ bản đồ 12, diện tích 583m² (Bản đồ địa chính số). Buộc ông phải bồi thường thiệt hại do hành vi phá hoại bờ tường bao của bà C là 5.000.000 (Năm triệu) đồng ông không đồng ý vì bà C đang xây dựng bờ tường trái phép sang đất của ông.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bà là vợ của ông Lê Văn T. Thửa đất số 296, tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299) tại thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An là tài sản chung của vợ chồng bà, có nguồn gốc do bố mẹ ông Tân tặng cho, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng bà. Năm 1987, vợ chồng bà xây nhà, sinh sống trên thửa đất này. Ranh giới thửa đất số 296, tờ bản đồ số 02 do vợ chồng bà đang sử dụng và thửa đất số 16.92, tờ bản đồ số

02 do bà C sử dụng trước đây có bờ thuốc dầu và bờ dứa. Do thời gian lâu nên bà không nhớ chiều rộng, chiều dài là bao nhiêu. Năm 1991, vợ chồng bà làm móng nhà, bờ thuốc dầu và bờ dứa còn nguyên. Móng nhà cách bờ thuốc dầu bao nhiêu mét bà không nhớ. Sau khi làm nhà, khu chăn nuôi do còn một ít đất nên ông T trồng cỏ sữa (Phía sau nhà chính), phía đông vẫn còn bờ thuốc dầu, phía Tây giáp nhà chăn nuôi bà không nhớ là có còn hay không. Ranh giới giữa hai thửa đất là đường thẳng. Do chồng bà là ông T cho rằng bà C xây tường sang đất của gia đình bà nên khi ông T về đã đập một phần tường. Khi bà C xây tường bà không nhớ về thời gian, do cửa sổ nhà luôn đóng nên gia đình bà không biết việc bà C xây tường, lúc đó ông T không ở nhà. Khi không mở được cửa sổ, bà có nói với ông T thì bà C đã xây tường xong, lúc đó bà gọi thông báo cho ông T biết. Bà C khởi kiện yêu cầu ông T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với thửa đất hiện bà C đang sử dụng và bồi thường thiệt hại do hành vi phá hoại bờ tường bao của bà C là 5.000.000đ, bà không có ý kiến gì. Quá trình giải quyết vụ án bà đề nghị Toà án cho bà được xét xử vắng mặt.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá ngày 25/6/2024, như sau:

Thửa đất số 296 tờ bản đồ số 2 (Bản đồ 299) có diện tích 578 m² tại xóm E, xã Q, huyện Q nay là thửa số 130, tờ bản đồ 12 (Bản đồ địa chính số) có diện tích 644.9 m² do ông Lê Văn T sử dụng. Tứ cận: Phía bắc giáp thửa đất số 118, tờ bản đồ số 12 do bà Lê Thị C sử dụng; Phía nam giáp đường giao thông; Phía đông giáp thửa đất số 136, tờ bản đồ 12 do ông Bùi Duy Đ sử dụng, giáp thửa đất số 126, tờ bản đồ số 12 do ông Lý Xuân M sử dụng; Phía Tây giáp thửa đất số 125, tờ bản đồ số 12 do ông Phạm Văn L1 sử dụng.

Thửa đất số 16-92, tờ bản đồ số 2 (Bản đồ 299) có diện tích sử dụng 593 m² (Trong đó đất ở 200 m², đất vườn 393 m²) tại xóm E, xã Q, huyện Q, đã được Cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 20/6/1997, nay là thửa số 118, tờ bản đồ 12 (Bản đồ địa chính số) có diện tích 583 m² do bà Lê Thị C sử dụng. Tứ cận thửa đất: Phía bắc giáp đường giao thông; Phía nam giáp thửa đất số 130, tờ bản đồ 12 do ông Lê Văn T sử dụng; Phía đông giáp thửa đất số 126 do ông Lý Xuân M, giáp thửa đất số 127, tờ bản đồ số 12 do ông Bùi Xuân T3 sử dụng; Phía tây giáp thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12 do ông Hồ Trọng H1 sử dụng, giáp thửa đất số 125, tờ bản đồ 12 do ông Phạm Văn L1 sử dụng.

* Trên phần đất tranh chấp có các tài sản:

- Tường xây sò táp lô nằm có da trát một mặt, dài 20,1 m, cao 2 m, diện tích xây dựng: 40,2 m². Đã bị đập phá một phần dài 1,4 m x cao 2m, diện tích xây dựng 0,84 m².

- Sân bê tông xi măng dài 15,3 m.

- Mái tôn: Loại 1 mới xây dựng; Loại 2: (Phần phía Tây).

- Rèm tôn: Loại 1 mới xây dựng gồm: Bức phía Đông cao 2,2 m x dài 3,8 m: Diện tích xây dựng 8,36 m²; Bức phía Nam cao 2,2 m x dài 5,6 m: Diện tích xây dựng 12,32 m²; Tổng diện tích xây dựng 20,68 m².

Loại 2 (Phần phía Tây): Cao 3,06 m x dài 9,7m. Diện tích xây dựng 29,68 m². Các tài sản xây dựng trên đất do bà C xây dựng.

*Giá đất: 6.000.000đ/m² đất ở; 3.000.000đ/m² đất TCHN.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q ngày 09/9/2024: Ranh, mốc giới giữa thửa đất số 16-92, tờ bản đồ số 02 (Bản đồ 299), nay là thửa đất số 118, tờ bản đồ 12 (Bản đồ địa chính số do bà Lê Thị C sử dụng và thửa đất số 296, tờ bản đồ số 2 (Bản đồ 299), nay là thửa đất số 130, tờ bản đồ 12 do ông Lê Văn T sử dụng. Các thửa đất trên đều có địa chỉ tại thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Ngoài tranh chấp về ranh giới giữa hai thửa đất trên giữa ông Lê Văn T và bà Lê Thị C đã được Ủy ban nhân dân xã H2 nhiều lần, địa phương không nhận được các phản ánh về việc chuyển nhượng, tặng cho, hoặc tranh chấp với hộ gia đình liên kế khác về mốc giới quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất trên.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 6, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 169, Điều 170, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự 2005; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C, buộc ông Lê Văn T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của gia đình bà Lê Thị C đối với thửa đất số 16-92, tờ bản đồ số 02, diện tích 593 m² (Bản đồ 299) tại xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là thửa đất số 118, tờ bản đồ 12, diện tích 583 m² (Bản đồ địa chính số).

Buộc ông Lê Văn T phải bồi thường cho bà Lê Thị C số tiền 322.000 (Ba trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

2. Chi phí tố tụng: Bà Lê Thị C phải chịu 5.527.000 (Năm triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 5.905.000 (Năm triệu chín trăm linh năm nghìn) đồng bà C đã nộp.

Ông Lê Văn T phải trả cho bà Lê Thị C chi phí tố tụng số tiền là 378.000 (Ba trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2024, bị đơn ông Lê Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời buộc nguyên đơn phải tự tháo dỡ phần xây dựng trên phần đất của gia đình ông bà.

Tại phiên tòa ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T2 thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm với lý do: Đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, chưa làm rõ lý do thiếu đất của bà C, chỉ căn cứ vào lời khai của các đương sự; Ông T hiện nay cũng thiếu đất, bị đơn không ký vào biên bản xác định ranh giới, mốc giới thừa đất của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo, nộp tạm ứng án phí, lệ phí trong thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng và ý kiến Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có người đại diện theo uỷ quyền tham gia phiên tòa; Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất:

Thửa đất 16-92, tờ bản đồ số 2, diện tích 593 m² trong đó 200 m² đất ở, 393 m² đất vườn (Bản đồ 299) tại xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 513773 ngày 20/6/1997 mang tên Lê Thị C. Theo bản đồ địa chính là thửa đất số 618, tờ bản đồ 119-75, diện tích 540 m²; theo bản đồ số là thửa đất số 118, diện tích 593 m². So với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất của bà C thiếu 10 m². Quá trình sử dụng đất, năm 2018 bà C xây dựng nhà ở và tường bao vào khoảng tháng 8/2019 thì hoàn thiện.

Thửa đất số 296, tờ bản đồ số 2, diện tích 578m² trong đó 200m² đất ở, 378 m² đất vườn (Bản đồ 299) tại xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân xã Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 799092 ngày 20/6/1997, theo bản đồ địa chính là một phần thửa đất số 626, tờ bản đồ 119-75, diện tích 1012 m², theo bản đồ số là thửa đất số 130, diện tích 644,9 m². So với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện trạng sử dụng đất của ông Tân thừa 66,9 m². Ông T xây dựng nhà từ năm 1991 đến nay vẫn còn nguyên hiện trạng.

Giữa hai thửa đất trước thời điểm bà C làm nhà vào năm 2018 không có bờ tường ngăn cách. Theo lời khai của các bên ranh giới giữa hai thửa đất từ trước có bờ thuốc dầu nhưng các đương sự không ai chứng minh được kích thước, diện tích bờ thuốc dầu. Hiện nay, các công trình xây dựng nằm trên thửa đất số 296, tờ bản đồ số 2 (Bản đồ 299) nay là thửa đất số 130, tờ bản đồ 12 do ông T sử dụng vẫn còn nguyên hiện trạng. Ông T cho rằng năm 2018 bà C có xây bờ tường lấn sang phần đất của ông; điểm từ mép ngoài công trình vệ sinh kéo dài về phía Đông lấn 60 cm; từ điểm đầu của công trình phụ ở phía Tây đến hết điểm (Phần này trước đây ông có trồng bờ thuốc dầu phía sau với tường công trình vệ sinh) bà C lấn sang bao nhiêu ông không rõ. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ trên thửa đất 296 tờ bản đồ số 2 ông T xây dựng các công trình xây dựng như nhà cấp 4, tường bao xây sò (Trước đây là tường công trình vệ sinh) theo lời khai của ông T, bà T2, phần tường bao này ông T xây dựng từ năm 1991. Bà C xây dựng tường bao tiếp giáp với móng nhà do ông T xây dựng kích thước 6,74 m. Tại vị trí ranh giới giữa hai thửa đất phần giáp với móng nhà cấp 4 của ông T có tường bao xây sò tấp lô nằm, có da trát một mặt dài 13,49 m đã bị phá dỡ một phần có kích thước dài 1,4 m, cao 2 m diện tích 0,84 m².

Phần tường này cách tường nhà của ông T đoạn phía Tây kích thước 36cm, đoạn phía Đông kích thước 29 cm. Xét thấy tường bao do bà C xây dựng năm 2019, ông T đã xây dựng các công trình trong đó có các công trình nằm trong phần diện tích đất tranh chấp từ năm 1991, các công trình xây dựng của bà C không bị chồng lấn với các tài sản trên đất của ông T và nằm trong phạm vi quyền sử dụng đất được cấp.

Tại Báo cáo số 88/BC-UBND ngày 09/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã Q, thể hiện kết quả xác minh thực tế: “Tại vị trí tranh chấp không có đường biên, ranh giới, mốc giới cụ thể. Tuy nhiên, qua phản ánh của thôn trưởng thôn 5 và một số hộ dân sinh sống liền kề thì phần diện tích tranh chấp nói trên, trước đây bà Lê Thị C dùng để sản xuất rau màu và có trồng một số cây na, gia đình đã chặt bỏ để xây dựng tường bao trên vị trí cũ (phần này gia đình bà C sử dụng và trồng rau màu ổn định từ lâu), nhưng khi bà C xây tường bao không được ông Lê Văn T thống nhất”. Việc ông T cho rằng bà C sử dụng đất sang phần đất của ông T là không có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận ông T nhiều lần đập phá một phần tường bao do bà C xây dựng vì cho rằng bà C xây tường sang đất của ông. Ngày 16/8/2019 ông T có hành vi phá dỡ tường, bà C đã làm đơn và được Ủy ban nhân dân xã lập biên bản làm việc; ngày 18/3/2022 ông T tiếp tục có hành vi phá dỡ tường, công an xã Q đã lập Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc: “Vị trí xảy ra sự việc: Tường bao phía Nam của nhà bà Lê Thị C, giáp với nhà chính của ông Lê Văn T là tường bao bê tông do bà Lê Thị C xây dựng để ngăn ranh giới giữa nhà bà C và ông T. Tại vị trí bờ tường bao: Bờ tường cách góc phía Đông Nam: 4,95m, bị phá vỡ có nơi dài nhất (mép dưới): 2,1m, nơi ngắn nhất (mép dưới): 1,7m; chiều cao lớn nhất (phía đông): 0,6m; chiều cao thấp nhất (phía Tây dưới tường): 0,5m, tường dày 13cm”.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định, bà C xây dựng tường nằm trong phần đất được cấp, không lấn chiếm đất của ông T. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà C buộc ông Lê Văn T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của bà Lê Thị C đối với thửa đất số 16-92, tờ bản đồ số 02, diện tích 593m² (bản đồ 299) tại xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là thửa đất số 118, tờ bản đồ 12, diện tích 583 m² (Bản đồ địa chính số) là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 169 Bộ luật dân sự 2015 nên cần giữ nguyên.

[2.2]. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận ông T có hành vi đập phá bờ tường do bà C xây dựng nằm trên thửa đất số 16-92, tờ bản đồ số 02, diện tích 593m² (bản đồ 299) tại xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là thửa đất số 118, tờ bản đồ 12, diện tích 583 m² (Bản đồ địa chính số) thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Lê Thị C. Ủy ban nhân dân xã và Công an xã Q đã lập biên bản xác định

vị trí tường bị phá dỡ. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ xác định phần bị phá dỡ có chiều dài 1,4 m cao 0,6 m, diện tích 0,84 m² trị giá 201.000 đồng. Ông T thừa nhận có hành vi đập tường của bà C 2 lần, lần 1 vào ngày 16/8/2019 (được ghi nhận tại Biên bản làm việc ngày 20/8/2019) nhưng không thể hiện rõ kích thước phần bị đập, tại phiên toà ông T thừa nhận hành vi đập phá tường lần 1 vào khoảng sau rằm tháng 7/2019 âm lịch tức ngày 16/8/2019 phần tường bao của nhà bà C phía sau cửa sổ nhà ông với kích thước chiều rộng bằng hai viên sò, mỗi viên sò 25 cm, cao 01 mét, diện tích là 0.5m²; lần 2 vào ngày 18/3/2022 (được ghi nhận tại Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc ngày 18/3/2023) có diện tích 0.84 m². Tuy nhiên cần xét đến giá trị tài sản thiệt hại để xác định mức bồi thường. Ông T đập phá một phần tường bao không ảnh hưởng đến toàn bộ công trình còn lại vì phần tường bị đập không gắn liền với mái tôn, các công trình kiên cố khác, phần tường bao còn lại vẫn sử dụng được, Hội đồng định giá xác định phần thiệt hại là 0,5 m² + 0,84m² = 1,34m² với giá 240.000đ/ m² nên Toà án cấp sơ thẩm buộc ông T phải bồi thường cho bà C số tiền 322.000 đồng là có căn cứ, nên cần giữ nguyên.

[3] Từ những căn cứ nêu trên thấy rằng, việc toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T2, cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên toà là phù hợp.

[4] Về án phí: Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên ông T, bà T2 là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T2

không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T2 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0005801 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Q;
- Chi Cục THADS H. Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân